



TÀI LIỆU ĐÀO TẠO

SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG, MUA SẮM XANH

{ĐỊA ĐIỂM – THỜI GIAN TỔ CHỨC}

1

NỘI DUNG

I	Thu gom, phân loại CTRSH
II	Tái sử dụng, tái chế CTRSH tại nguồn thành sản phẩm gia dụng, văn phòng thân thiện với MT
III	Tiêu chí nhãn sinh thái VN đối với sản phẩm thuộc lĩnh vực gia dụng và giao thông
IV	Khuyến khích mua sắm xanh, bài học từ hoạt động gắn nhãn sinh thái cho các SP, DV thân thiện với MT
V	Thực hành

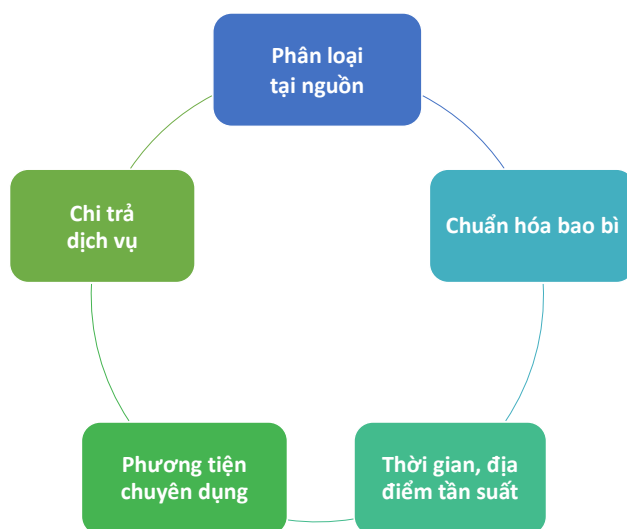
2

PHẦN I: THU GOM, PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

1.1	Nguyên tắc thu gom, phân loại CTRSH
1.2	Tại sao cần phân loại CTRSH tại nguồn
1.3	Hướng dẫn phân loại CTRSH
1.4	Mô hình thực hành tốt

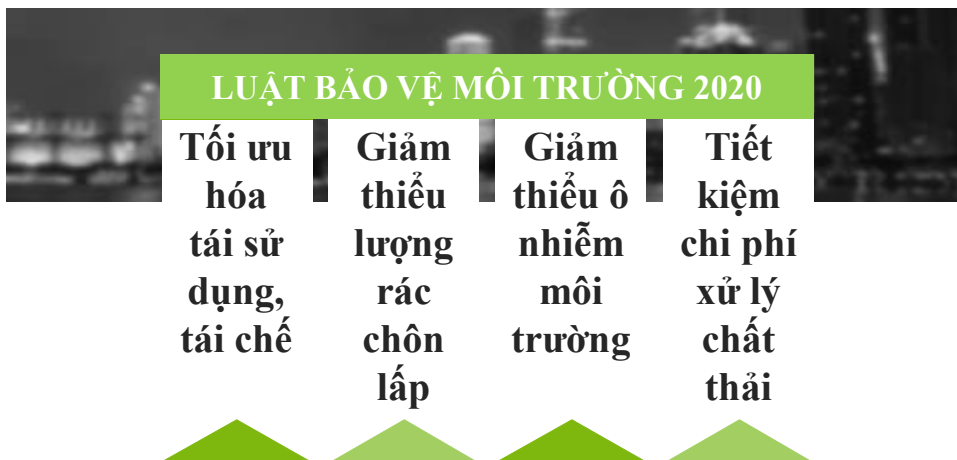
3

1.1 Nguyên tắc thu gom, phân loại CTRSH



4

1.2 Vì sao cần phân loại CTRSH?



5

1.3 Phân loại CTRSH

Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế	Chất thải thực phẩm	Chất thải rắn sinh hoạt khác
- Giấy thải - Nhựa thải - Kim loại thải - Thủy tinh thải - Vải, đồ da - Đồ gỗ - Cao su - TB điện – điện tử thải	- Thực phẩm thừa, hết hạn sử dụng - Các loại rau củ quả và các phần thải bỏ sau sơ chế. - Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản	- Chất thải nguy hại - Chất thải công kênh - Chất thải khác còn lại

6

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mục tiêu



Mô hình thu gom phân loại rác của GRAC



Green point

- Thiết lập các điểm Green point
- App Grac: đặt lịch thu gom, tra cứu tiền rác, tích điểm đổi quà
- Kết nối các bên liên quan
- Quản lý chủ nguồn thải
- Giảm chi phí xử lý rác
- Tạo thêm thu nhập

7

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Seoul, Hàn Quốc

➤ Phân loại rác thành 4 nhóm

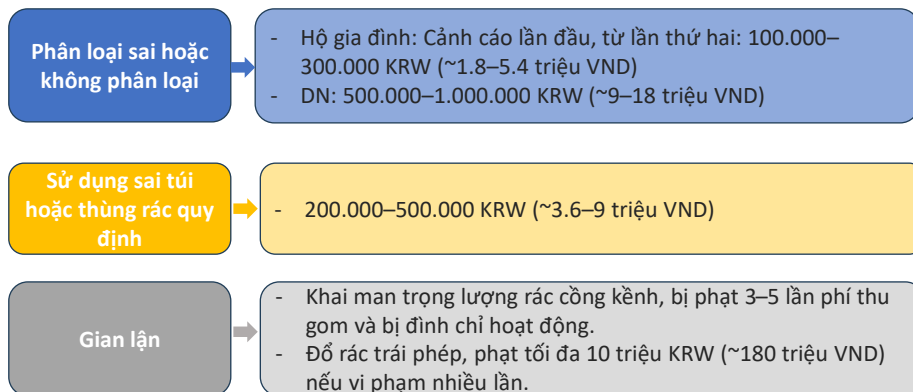
Rác không tái chế được	Rác tái chế được	Rác thực phẩm	Rác công kênh
Đựng trong túi chuyên dụng có màu	Đựng trong túi thông thường trong suốt hoặc thùng công cộng	Đựng trong túi chuyên dụng có mã vạch hoặc thùng thông minh	
Trả phí thông qua tiền mua túi	Miễn phí	Trả phí theo trọng lượng rác phát sinh	Mức phí theo kích thước, trọng lượng

8

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Seoul, Hàn Quốc

➤ Mức xử lý vi phạm



9

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Seoul, Hàn Quốc

➤ Kết quả đạt được

- Giảm 40% lượng rác sinh hoạt (từ 1994–2020), dù dân số tăng.
- Tăng tỷ lệ tái chế từ 2% lên 60% (2023), đứng top 3 thế giới.
- Xử lý 90% rác thực phẩm thành phân compost, biogas hoặc thức ăn chăn nuôi.
- Tiết kiệm ngân sách: Thu về 300 tỷ KRW/năm (~5.400 tỷ VND) từ bán túi đựng rác.

10

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Tokyo, Nhật Bản

➤ Phân loại rác thành 4 nhóm

Rác cháy được	Rác không cháy được	Rác tái chế	Rác cống kênh
Trả phí qua mua túi chuyên dụng	Trả phí qua mua túi chuyên dụng	Miễn phí	Phí tùy kích thước

Màu sắc túi rác khác nhau tùy loại rác
Phải mua túi rác chính thức của thành phố
Hiếm khi đặt thùng rác trên đường phố để tránh xả rác bừa bãi.
Thùng rác tái chế tại siêu thị/trạm tàu được phân loại chi tiết

11

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Tokyo, Nhật Bản

➤ Xử lý vi phạm

Phân loại sai	- Cảnh cáo nếu vi phạm lần đầu, phạt 10.000–50.000 JPY (~1.8–9 triệu VND) nếu tái phạm. - DN: 500.000–1.000.000 KRW (~9–18 triệu VND)
Vứt rác bừa bãi	- Phạt 100.000–1 triệu JPY (~18–180 triệu VND)
Gian lận	- Khai man thông tin rác cống kênh bị phạt gấp 5 lần phí thu gom

12

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Tokyo, Nhật Bản

➤ Giáo dục, truyền thông



Giáo dục từ **trường học**



Tặng **sổ tay** hướng dẫn phân loại rác



Tổ chức ngày "**Clean Up**"



Chiến dịch **No Bag** - Mang túi cá nhân



Truyền thông sáng tạo

13

1.4 Mô hình thực hành tốt

Mô hình thu gom, phân loại rác của Tokyo, Nhật Bản

➤ Kết quả

- Giảm 30% lượng rác từ 2000–2023 dù dân số tăng.
- Lượng rác thải sinh hoạt/người tại Tokyo giảm 20% từ 2015–2023 (theo Sở Môi trường Tokyo)
- Tỷ lệ tái chế đạt 25% (cao hơn mức trung bình toàn quốc).
- Giảm tỷ lệ rác chôn lấp từ 20% (2020) xuống dưới 1% (2023)
- 85% rác thải được đốt để phát điện, cung cấp năng lượng cho 200.000 hộ dân.

14

1.4 Mô hình thực hành tốt



Đảo Yakushima, Nhật Bản

Du khách mang rác trở về đất liền được miễn phí một số dịch vụ như gửi hành lý hoặc vé phà



Bản Núi Everest, Nepal

Kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo du khách phải nộp lại đúng lượng rác mà họ đã mang lên, hoặc chịu mất tiền đặt cọc

Mô hình quản lý CTRSH tại một số điểm du lịch



Vườn quốc gia Banff, Canada

Xả rác bừa bãi và không mang rác thải cá nhân ra ngoài sẽ bị phạt nặng, mức phạt có thể lên tới 500 CAD, hoặc có thể bị cấm vào vườn.

15

1.4 Mô hình thực hành tốt

Bài học cho Việt Nam



- Vận hành cơ chế người gây ô nhiễm phải trả tiền;



- Tăng cường giám sát và ghi nhận hành vi vi phạm;



- Sử dụng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả thu gom, phân loại;



- Chú trọng giáo dục và truyền thông cộng đồng từ sớm



- Du khách phải tự chịu trách nhiệm với rác thải của mình

16

1.5 Thực hành



Yêu cầu:

Lập kế hoạch hướng dẫn thu gom, phân loại CTRSH tại địa phương.

➤ **Kế hoạch cần thể hiện rõ:**

- Mục tiêu, phạm vi và đối tượng cụ thể.
- Phương pháp hướng dẫn
- Nguồn lực thực hiện
- Giải pháp tuyên truyền, giám sát và đánh giá hiệu quả.

17

PHẦN II: TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ CTRSH THÀNH SẢN PHẨM GIA DỤNG, VĂN PHÒNG THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

2.1	Khái niệm
2.2	Nguyên tắc tái sử dụng, tái chế
2.3	Công nghệ tái chế
2.4	Mô hình áp dụng
2.5	Thực hành

18

2.1 Khái niệm



Tái sử dụng - Reuse

Tái sử dụng là việc sử dụng lại các sản phẩm hoặc vật liệu cho cùng mục đích ban đầu hoặc cho mục đích khác mà không cần trải qua quá trình xử lý phức tạp về mặt kỹ thuật hoặc công nghệ



Tái chế - Recycle

Tái chế là quá trình xử lý chất thải thông qua các công nghệ phù hợp nhằm biến đổi chúng thành nguyên liệu, vật liệu hoặc sản phẩm mới có thể tiếp tục được sử dụng trong sản xuất hoặc tiêu dùng

19

2.2 Nguyên tắc tái sử dụng, tái chế



Tuân thủ quy định pháp luật về phân loại tại nguồn



Ưu tiên giảm thiểu, tái sử dụng trước khi tái chế

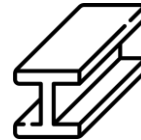


Bảo đảm an toàn cho sức khỏe cộng đồng và môi trường

20

2.3 Công nghệ tái chế

Các vật liệu tái chế phổ biến



21

2.3 Công nghệ tái chế

Công nghệ tái chế nhựa cơ học

1. Thu gom và phân loại sơ bộ
2. Tách và phân loại tinh
3. Nghiền, băm
4. Rửa và tách tạp chất
5. Sấy khô
6. Nghiền mịn
7. Đùn nóng chảy và lọc
8. Tạo hạt
9. Làm nguội, sấy lại, đóng gói

Công nghệ tái chế nhựa hóa học

1. Tiền xử lý
2. Phản ứng depolymerization
3. Tách và tinh chế sản phẩm
4. Tái tạo polymer

22

2.3 Công nghệ tái chế

So sánh công nghệ tái chế nhựa cơ học và hóa học

Tiêu chí	Tái chế Cơ học	Tái chế Hóa học
Nguyên lý	Xử lý vật lý (nghiền, nấu chảy)	Xử lý hóa học/nhiệt (phá vỡ cấu trúc phân tử)
Nguyên liệu	Nhựa sạch, đã phân loại, đơn loại	Nhựa hỗn hợp, bẩn, đa lớp, đã tái chế nhiều lần
Chất lượng sản phẩm	Giảm dần chất lượng	Chất lượng như nguyên sinh
Chi phí	Thấp, đã phổ biến	Cao, cần đầu tư lớn
Năng lượng	Thấp hơn	Cao hơn
Khả năng tái chế	Giới hạn số lần	Về lý thuyết là vô hạn

23

2.3 Công nghệ tái chế

Tái chế giấy

1. Phân loại
2. Cắt nhỏ, nghiền thành bột giấy
3. Sàng lọc và làm sạch
4. Khử mực in
5. Tẩy trắng (nếu cần)
6. Phối trộn và sản xuất giấy mới
7. Cán, cuộn và cắt sản phẩm

Tái chế thủy tinh

1. Loại bỏ tạp thô
2. Phân loại màu
3. Nghiền
4. Loại tạp tinh
5. Kiểm soát chất lượng cullet
- Pha trộn & nấu lại

Tái chế kim loại

1. Làm sạch và khử nhiễm nhẹ
2. Ép kiện
3. Nấu chảy
4. Tinh luyện
5. Đúc phôi

24

2.4 Mô hình áp dụng

Tái sử dụng nhựa



25

2.4 Mô hình áp dụng

Tái sử dụng nhựa



26

2.4 Mô hình áp dụng

Tái sử dụng nhựa



27

2.4 Mô hình áp dụng

Tái sử dụng bìa các tông



28

2.4 Mô hình áp dụng

Tái sử dụng chai lọ thủy tinh



Tái sử dụng quần áo cũ



2.4 Mô hình áp dụng

Tái sử dụng lốp xe cũ



2.4 Mô hình áp dụng

Tái chế nhựa PET thành chai PET mới và xơ, sợi polyester



Đã có tới 48 triệu chai nhựa PET 500ml* được tái chế!

Chiếc áo polo của bạn được làm từ nguồn tài nguyên bền vững !

Áo polo DRY-EX và áo polo DRY-EX vải pique sử dụng vải có thành phần từ chai nhựa PET mà vẫn giữ nguyên tính năng khô thoáng mồ hôi.

* Ước tính dựa trên tổng số lượng sản xuất của áo polo DRY-EX và áo polo DRY-EX vải pique vào mùa Xuân-Hè năm 2020

Một tương lai bền vững bắt đầu từ những gì chúng ta làm hôm nay
Triết lý phát triển bền vững của Uniqlo

31

2.4 Mô hình áp dụng

Tái chế vỏ hộp sữa thành đồ gia dụng



32

2.4 Mô hình áp dụng

Tái chế lon thanh lon



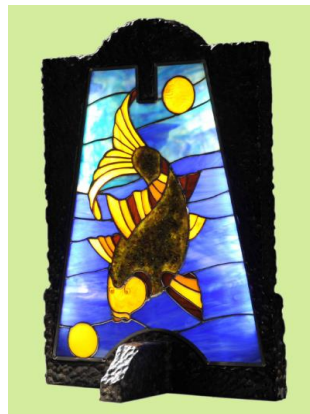
33

2.4 Mô hình áp dụng

Mô hình tái chế nhựa, thủy tinh của Xưởng Lighting



Đèn ngủ từ nhựa tái chế



Tranh kính từ thủy tinh tái chế

34

2.5 Thực hành

Xây dựng kế hoạch lựa chọn và tổ chức tái chế, tái sử dụng một số loại CTRSH phát sinh tại địa phương.



➤ Yêu cầu cho mỗi nhóm:

- Lựa chọn ít nhất 1–2 loại CTRSH phát sinh chủ yếu từ du lịch
- Phân tích đặc điểm, khả năng tái chế/tái sử dụng, thuận lợi – khó khăn.
- Đề xuất kế hoạch tái chế, tái sử dụng (quy trình, công nghệ, đơn vị tham gia, đối tượng hưởng lợi).
- Đưa ra giải pháp tuyên truyền và huy động cộng đồng/khách du lịch tham gia.

35

PHẦN III:

TIÊU CHÍ NHÃN SINH THÁI VIỆT NAM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THUỘC LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ GIAO THÔNG

3.1	Khái niệm
3.2	Cấu trúc tiêu chí, quy trình chứng nhận
3.3	Tiêu chí NST đối với sản phẩm gia dụng
3.4	Xây dựng tiêu chí NST đối với lĩnh vực GTVT
3.5	Bài tập

3.1 Khái niệm

Đâu là nhãn sinh thái Việt Nam?

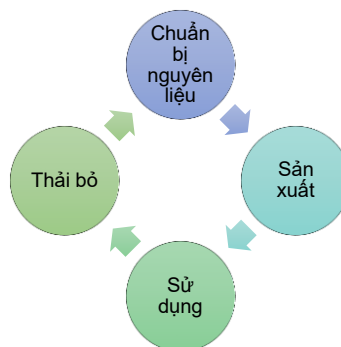


37

3.1 Khái niệm

- Nhãn sinh thái Việt Nam là nhãn được **cơ quan có thẩm quyền** của Việt Nam chứng nhận cho **sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường** (Khoản 2, Điều 145 Luật Bảo vệ môi trường 2020)
- Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường là sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ các **nguyên liệu, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện môi trường**, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình **sử dụng, thải bỏ**, bảo đảm an toàn cho môi trường, sức khỏe con người và **được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hoặc công nhận** (Điều 145, Luật Bảo vệ môi trường 2020)

Hạn chế tác động có hạn đến môi trường trong vòng đời sản phẩm!



38

3.1 Khái niệm



- Quyết định 253/QĐ-BTNMT ngày 05/03/2009 về việc phê duyệt chương trình cấp nhãn sinh thái với tên gọi Nhân xanh Việt Nam
- 17 tiêu chí ban hành theo Quyết định 154/QĐ-BTNMT năm 2014 (14 tiêu chí) và Quyết định số 2186/QĐ-BTNMT năm 2017 (3 tiêu chí).
- 112 sản phẩm thuộc 06 doanh nghiệp đã được chứng nhận



- Nhân sinh thái Việt Nam theo Luật BVMT 2020
- 01 bộ tiêu chí ban hành theo Quyết định 3257/QĐ-BTNMT về tiêu chí nhân sinh thái đối với bao bì nhựa thân thiện với môi trường
- Thời hạn 36 tháng, kể từ ngày ban hành
- 13 sản phẩm của 13 đơn vị được chứng nhận năm 2024, 2025

39

Tiêu chí nhãn sinh thái

2014	2017	2023
Quyết định số 154/QĐ-BTNMT	Quyết định số 2186/QĐ-BTNMT	Quyết định số 3257/QĐ-BTNMT
1. NXVN 01: 2014 – bột giặt; 2. NXVN 02: 2014 – bóng đèn huỳnh quang; 3. NXVN 03: 2014 – Bao bì nhựa tự phân hủy sinh học; 4. NXVN 04: 2014 – bao bì giấy tổng hợp dùng để đóng gói thực phẩm; 5. NXVN 05: 2014 - Vật liệu lọc, ốp, lát thuộc vật liệu gốm xây dựng; 6. NXVN 06: 2014 - Ấc quy; 7. NXVN 07: 2014 – Giấy văn phòng; 8. NXVN 08: 2014 – Chăm sóc tóc; 9. NXVN 09: 2014 – Xà phòng bánh; 10. NXVN 10: 2014 - Nước rửa bát bằng tay; 11. NXVN 11: 2014 - Sơn phủ dùng trong xây dựng; 12. NXVN 12: 2014 - Máy tính xách tay; 13. NXVN 13: 2014 - Hộp mực in dùng cho máy in, máy photocopy và máy fax; 14. NXVN 14: 2014 – Máy in.	1. NXVN 15: 2017 - Pin; 2. NXVN 16: 2017 - máy photocopy; 3. NXVN 17: 2017 - bóng đèn LED và mô đun LED dùng cho chiếu sáng thông dụng.	1. NSTVN -01:2023 – Bao bì nhựa thân thiện với môi trường

40

3.2 Cấu trúc tiêu chí nhãn xanh

Thành phần/yếu tố	Tiêu chí Nhãn xanh Việt Nam
Phạm vi áp dụng	17 tiêu chí cho 17 nhóm sản phẩm
Tiêu chí chung	I. Yêu cầu tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, lao động đối với DN trong nước II. Yêu cầu tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, trách nhiệm xã hội đối với DN nhập khẩu
Bộ tiêu chí chính	I. Khái niệm, mục tiêu và đối tượng áp dụng II. Thuật ngữ (<i>chỉ áp dụng với bộ tiêu chí nhãn xanh 2014</i>) III. Tiêu chí Tùy theo loại sản phẩm mà có các tiêu chí về chất lượng, thành phần hóa chất, khả năng phân hủy sinh học, quy trình sản xuất, bao bì, đóng gói sản phẩm,....

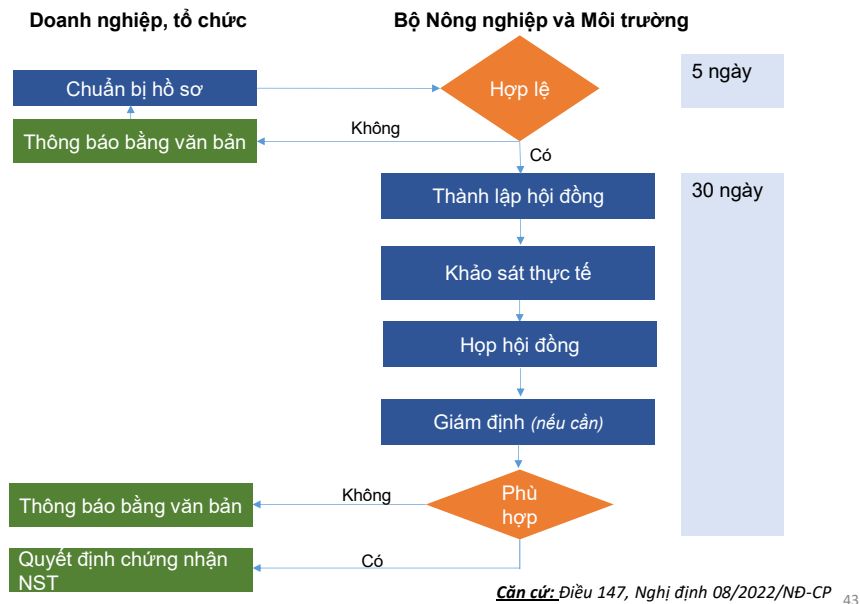
41

3.2 Cấu trúc tiêu chí nhãn sinh thái

Thành phần/yếu tố	Tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam
Phạm vi áp dụng	01 tiêu chí cho bao bì nhựa thân thiện môi trường
Cấu trúc	I. Mô tả loại hình sản phẩm II. Tác động môi trường của sản phẩm III. Mục tiêu bảo vệ môi trường IV. Tiêu chí 4.1. Tiêu chí chung 4.2. Các tiêu chí cụ thể
Tiêu chí chung	Yêu cầu tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan
Các tiêu chí cụ thể	- Tiêu chí về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu - Tiêu chí về đặc tính kỹ thuật, giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong sản phẩm - Về thu hồi, tái chế, xử lý, thải bỏ

42

Quy trình chứng nhận nhãn sinh thái



Yêu cầu hồ sơ đăng ký nhãn sinh thái

Thành phần hồ sơ	Yêu cầu
1. Văn bản đề nghị chứng nhận	Mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2. Báo cáo sản phẩm, dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam	Mẫu quy định tại Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3. Kết quả thử nghiệm sản phẩm	Có thời hạn không quá 06 tháng, tính đến ngày Bộ TNMT nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ kèm theo mẫu sản phẩm đăng ký chứng nhận. Việc thử nghiệm sản phẩm phải được tiến hành bởi: - Cơ quan, tổ chức về quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận - Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chứng nhận theo pháp luật về khoa học và công nghệ - Tổ chức thử nghiệm trong nước và nước ngoài được công nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 bởi tổ chức công nhận là thành viên tham gia ký thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Hiệp hội Công nhận Châu Á - Thái Bình Dương (APAC), Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế (ILAC).
4. Bản vẽ hoặc bản chụp kiểu dáng công nghiệp	Kích cỡ 21 cm x 29 cm và thuyết minh các thông số kỹ thuật của sản phẩm.

Căn cứ: Điều 146, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

3.3 Tiêu chí nhãn xanh với sản phẩm gia dụng

Sản phẩm gia dụng	Tiêu chí cụ thể
Nước rửa bát bằng tay	• Không chứa các hóa chất độc hại thuộc danh mục các hóa chất cấm nhập khẩu, xuất khẩu, cấm sử dụng; các hóa chất có khả năng gây ung thư và một số hóa chất độc hại khác. • Sử dụng các hoá chất được phép sử dụng với liều lượng hạn chế, ví dụ không chứa quá 0,1% formaldehyde và các hợp chất có gốc này tính trên khối lượng sản phẩm. • Sử dụng các chất hoạt động bề mặt có khả năng phân hủy sinh học. • Các hóa chất có mặt trong nước thải không có dấu hiệu độc tính đối với môi trường sinh thái. • Vật liệu làm bao bì có khả năng tái chế, không sử dụng các loại mực, thuốc nhuộm, chất màu và các chất phụ gia khác có chứa chì, thủy ngân, cadimi và chất crom có chứa hoá trị sáu, v.v. • Có hướng dẫn sử dụng chi tiết, dễ hiểu về phương pháp sử dụng an toàn nhất cho môi trường trên bao bì sản phẩm.

45

3.3 Tiêu chí nhãn xanh với sản phẩm gia dụng

Sản phẩm	Tiêu chí cụ thể
Bao bì giấy tổng hợp đóng gói thực phẩm	Đối tượng: Loại bao bì được sản xuất từ các loại vật liệu khác nhau và không thể tách các thành phần bằng phương pháp cơ học thông thường hay bằng tay. Bao bì giấy tổng hợp đựng thực phẩm là loại bao bì làm từ vật liệu tổng hợp với tỷ lệ giấy chiếm hơn 70% trọng lượng bao bì và được sử dụng với mục đích chứa hoặc đựng thực phẩm ở bên trong để bán hàng. Tiêu chí 1. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật. 2. Đảm bảo không chứa các hợp chất, hóa chất có khả năng gây ung thư trong danh mục hóa chất nhóm 1, nhóm 2A do IARC quy định 3. Đảm bảo không thôi nhiễm độc vào thực phẩm theo đúng quy định của pháp luật. 4. Có chứng nhận về việc sử dụng nguyên liệu gỗ từ các khu rừng có chứng chỉ FSC để sản xuất giấy nguyên liệu cho sản xuất bao bì. 5. Bao bì không sử dụng các loại mực, thuốc nhuộm, chất màu và các chất phụ gia khác có chứa chì, thủy ngân, cadmium, và các hợp chất crom hóa trị 6. Bao bì có thông tin khối lượng tịnh, thể tích thực. 6. Có hệ thống thu gom hay chính sách ký quỹ để thu hồi.

46

3.3 Tiêu chí nhãn xanh với sản phẩm gia dụng

Sản phẩm	Tiêu chí cụ thể
Bao bì nhựa tự phân hủy sinh học	Đối tượng: BB sản xuất từ vật liệu nhựa có khả năng bị phân hủy sinh học hiếu khí hoặc yếm khí (khi được xử lý bằng phương pháp chôn lấp) thành CO₂ và H₂O. Quá trình phân hủy sinh học được thực hiện nhờ các vi sinh vật trong ≤3 năm. BB có thể được sản xuất từ nhựa sinh học hoặc từ nhựa thông thường được bổ sung thêm các chất phụ gia (các hoạt chất thúc đẩy phân hủy sinh học) Tiêu chí - Đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc tương đương. - BB nhựa có khả năng tự phân hủy sinh học tối thiểu 90% trong thời gian dưới 03 năm khi bị thải bỏ ra môi trường tự nhiên hoặc xử lý bằng phương pháp chôn lấp rác thông thường. Không sử dụng các loại mực, thuốc nhuộm, chất màu và các chất phụ gia khác có chứa chì (Pb), thủy ngân (Hg), cadmium (Cd) và các hợp chất crôm hóa trị sáu (Cr+6) để sản xuất bao bì. Tổng hàm lượng kim loại nặng không được vượt quá 250 ppm tính trên một đơn vị khối lượng bao bì. - Tuân thủ Thông tư số 34/2011/TT-BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với BB, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm và các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật (đối với loại bao bì dùng đóng gói thực phẩm).

47

Tiêu chí NST bao bì nhựa thân thiện với môi trường

Hạng mục	Thông tin chi tiết
Loại hình sản phẩm	- Bao bì (BB) nhựa phân hủy sinh học, dạng túi hoặc dạng màng - Bao bì nhựa tái chế PE hoặc PP, dạng túi hoặc dạng màng
Tiêu chí chung	Cơ sở sản xuất, kinh doanh tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.
Tiêu chí cụ thể về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	- Nguyên liệu, vật liệu sản xuất BB có nguồn gốc từ vật liệu nhựa sinh học (đối với BB nhựa phân hủy sinh học) hoặc nhựa PE, nhựa PP tái chế được làm sạch (đối với BB nhựa tái chế) và các chất phụ gia không chứa các thành phần, chất trong danh mục cấm nhập khẩu, sử dụng của Việt Nam. - Không sử dụng các loại mực, thuốc nhuộm, chất màu và các chất phụ gia khác theo quy định an toàn môi trường và sức khỏe về sản xuất BB.
Tiêu chí cụ thể về đặc tính kỹ thuật, giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong sản phẩm	- Sản phẩm đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế tương đương - Đối với BB nhựa phân hủy sinh học: Tỷ lệ phân hủy sinh học tối thiểu 90% trong thời gian 02 năm trong môi trường tự nhiên, compost hoặc trong bãi chôn lấp CTR. - Đối với BB nhựa tái chế: Có tối thiểu 20% nguyên liệu sản xuất BB từ nhựa tái chế, có độ dày từ 50 μm trở lên, kích thước tối thiểu mỗi chiều từ 50 cm trở lên.

48

Tiêu chí NST bao bì nhựa thân thiện với môi trường

Hạng mục	Thông tin chi tiết
Tiêu chí cụ thể về đặc tính kỹ thuật, giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong sản phẩm (tiếp)	- Quy định rõ Hàm lượng tối đa cho phép của các kim loại nặng, phi kim và Flo quy định trong bao bì - Quy định Phương pháp thử nghiệm xác định các thông số nêu trên - Quy định về thử nghiệm và sản phẩm đại diện: Phòng thử nghiệm được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025 thực hiện; với nhiều nhãn hiệu cùng nguyên liệu và công nghệ thì thử nghiệm sản phẩm đại diện
Tiêu chí cụ thể về thu hồi, tái chế, xử lý, thải bỏ	Kế hoạch thu hồi, tái chế BB đã qua sử dụng; thông tin về địa chỉ cơ sở tái chế; quy trình thu hồi và tái chế, thải bỏ; công nghệ tái chế; các giải pháp thu hồi, tái chế, xử lý, thải bỏ BB đã qua sử dụng và giải pháp BVMT thực hiện theo quy định của pháp luật.

49

Q&A

1. Sự khác nhau giữa cấu trúc 2 bộ tiêu chí nhãn xanh và nhãn sinh thái
2. So sánh tiêu chí nhãn xanh đối với bao bì nhựa tự phân hủy sinh học và tiêu chí NST đối với bao bì nhựa thân thiện với môi trường



50

Tiêu chí NST với lĩnh vực giao thông vận tải

- Việt Nam đã có quy định về nhãn năng lượng của xe cơ giới tại Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và BVMT của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp. Theo đó ***Nhãn năng lượng của xe cơ giới là nhãn cung cấp các thông tin liên quan đến loại năng lượng sử dụng, mức tiêu thụ năng lượng và kiểu loại xe cơ giới.***
- Các loại xe phải được dán nhãn năng lượng trước khi đưa ra thị trường bao gồm: Xe ô tô con; xe mô tô, xe gắn máy, trừ xe sản xuất, lắp ráp từ xe cơ sở đã được dán nhãn năng lượng và xe sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu. Theo đó, cơ sở sản xuất phải công khai mức tiêu thụ năng lượng của xe cơ giới.
- Việt Nam hiện chưa ban hành tiêu chí nhãn sinh thái cho sản phẩm thuộc lĩnh vực giao thông vận tải.
- Chi tiết đề xuất dự thảo tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam đối với xe buýt, xe quét dọn đường phố và thu gom chất thải ***xem tại tài liệu đọc thêm.***

51

3.5 Bài tập mô phỏng

Bài tập số 1

Có 3 loại bao bì như sau:

- Bao bì A: Nhựa phân hủy sinh học, phân hủy được 80% trong 2 năm, phụ gia có chứa chì.
- Bao bì B: Nhựa tái chế 25%, độ dày 55 μm , không có chất cấm, có kế hoạch thu hồi tái chế.
- Bao bì C: Nhựa PE nguyên sinh 100%, không kế hoạch thu hồi, độ dày 40 μm .

So sánh 3 loại sản phẩm trên với các tiêu chí trong Quyết định số 3257/QĐ-BTNMT và trả lời các câu hỏi sau:

- Sản phẩm nào có thể đủ điều kiện để xin cấp Nhãn sinh thái?
- Sản phẩm nào cần cải thiện? (gợi ý cải thiện cụ thể).
- Sản phẩm nào chắc chắn không đạt?

52

3.5 Bài tập mô phỏng

Bài tập số 2

Công ty A: Bao bì nhựa sinh học phân hủy hoàn toàn, giá thành cao gấp 2 lần bao bì thường.

Công ty B: Bao bì nhựa tái chế 30%, độ dày 55 μm , nhưng chưa có kế hoạch thu hồi sau sử dụng.

Công ty C: Bao bì nhựa nguyên sinh PE, có chứng nhận an toàn thực phẩm, độ dày 60 μm , không có chất cấm, nhưng sản xuất tiêu hao nhiều năng lượng.

Nhiệm vụ nhóm:

1. Đối chiếu từng sản phẩm với bộ tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam cho bao bì nhựa thân thiện với môi trường
2. So sánh ưu – nhược điểm của từng sản phẩm về:
 - Mức độ đáp ứng tiêu chí
 - Khả năng được người tiêu dùng và cơ quan mua sắm công chấp nhận.
3. Đề xuất cải tiến (kỹ thuật hoặc quản lý) cho ít nhất 2 công ty để sản phẩm có khả năng đạt Nhãn sinh thái.

53

PHẦN IV: KHUYẾN KHÍCH MUA SẮM XANH BÀI HỌC TỪ HOẠT ĐỘNG GẮN NHÃN SINH THÁI CHO CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

4.1

Khái niệm

4.2

SP, DV được khuyến khích mua sắm xanh



4.1 Khái niệm “mua sắm xanh”

Mua sắm xanh là việc mua sắm các **sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường** được **chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam** hoặc **được công nhận theo quy định của pháp luật** (Khoản 1, Điều 146, Luật Bảo vệ môi trường).



Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường là sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ **các nguyên liệu, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện môi trường, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sử dụng, thải bỏ, bảo đảm an toàn cho môi trường, sức khỏe con người và được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hoặc công nhận.**

Việt Nam công nhận sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường đã được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam chứng nhận.

(Điều 145, Luật BVMT 2020)

55

4.1 Khái niệm “mua sắm công xanh”

Mua sắm công xanh là hoạt động mua sắm **sử dụng vốn nhà nước** đối với **các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường** được **công nhận theo quy định của pháp luật** (Quyết định số 600/QĐ-BKHĐT ngày 07/04/2023).



Một quá trình theo đó cơ quan nhà nước đưa ra cách thức mua sắm hàng hóa, dịch vụ và phương tiện để **giảm thiểu các tác động môi trường trong suốt thời gian sử dụng** mà vẫn **đảm bảo các tính năng chính** của các hàng hóa, dịch vụ và phương tiện đó (European Union, 2016).

Quá trình trong đó các tổ chức hành chính công đáp ứng các nhu cầu của họ về hàng hoá, dịch vụ một cách xứng đáng với giá trị tiền mua trên cơ sở xem xét **toàn bộ vòng đời sản phẩm/dịch vụ** nhằm tạo ra lợi ích không chỉ cho tổ chức mà còn cho nền kinh tế và xã hội, trong khi vẫn” **giảm thiểu một cách đáng kể các tác động tiêu cực đến môi trường** (UNEP, 2016).

56

4.1 SP, DV được khuyến khích mua sắm xanh

Loại sản phẩm	Cơ quan ban hành	Tem, nhãn
Sản phẩm gắn nhãn năng lượng: Nhãn ngôi sao năng lượng và nhãn so sánh	Bộ Công Thương	 
Sản phẩm gắn nhãn sinh thái/nhãn xanh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	 
Cơ sở lưu trú đạt Nhãn bông sen xanh	Bộ Văn hóa – Thể thao – Du lịch	

57

Công cụ chính sách – pháp luật

Năm	Văn bản	Nội dung
2011	Quyết định số 68/2011/QĐ-TTg ban hành danh mục phương tiện, thiết bị TKNL được trang bị, mua sắm đối với cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước	Danh mục các phương tiện, thiết bị phải mua sắm được dán nhãn năng lượng gồm Nhãn xác nhận và Nhãn so sánh.
2016	Quyết định số 76/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Đẩy mạnh mua sắm bền vững qua xây dựng hướng dẫn cho sản phẩm sinh thái và nhân rộng thực hành mua sắm công xanh.
2020	Quyết định số 889/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030	Nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy mua sắm bền vững thông qua xây dựng tài liệu hướng dẫn áp dụng cho sản phẩm sinh thái, thân thiện môi trường và phổ biến, nhân rộng các thực hành tốt về mua sắm công xanh
2021	Quyết định số 1658/QĐ-TTg ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn tới 2050	Mục tiêu: đến năm 2030, tỷ lệ mua sắm công xanh trong tổng mua sắm đạt ít nhất 35% và tăng lên 50% vào năm 2050.

58

Công cụ chính sách – pháp luật

Năm	Văn bản	Nội dung
2022	Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/07/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030	Đề ra chủ đề tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững, đẩy mạnh mua sắm công xanh, dịch vụ công xanh và các chương trình dán nhãn
2022	Luật BVMT 2020 (có hiệu lực năm 2022)	Quy định rõ “Ưu tiên thực hiện mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ”
2022	Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật BVMT	Quy định khi xây dựng hồ sơ mời thầu đối với hoạt động mua sắm công, các yêu cầu mua sắm, sử dụng SPDV thân thiện với môi trường được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam cần được đưa vào trong tiêu chí lựa chọn nhà thầu.
2023	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15	Sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được ưu đãi khi lựa chọn nhà thầu

59

Công cụ kinh tế - tài chính

Ưu đãi, hỗ trợ	Thông tin chi tiết
Ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được Bộ TNMT chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam được ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường; trợ giá, trợ cước vận chuyển đối với sản phẩm thân thiện môi trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác đối với hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
Hỗ trợ về đất đai	Chủ dự án đầu tư thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được Bộ TNMT chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai như các đối tượng thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư .
Ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư	Chủ đầu tư dự án được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 70% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hàng năm.
Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí	Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ: Nghị định 08/2022/NĐ-CP

60

Công cụ truyền thông – giáo dục

- Các chương trình gắn nhãn được pháp luật công nhận:
 - **Nhãn sinh thái Việt Nam** (Bộ TN&MT, từ 2009),
 - **Nhãn năng lượng bắt buộc cho thiết bị điện** (Bộ Công Thương),
 - **Nhãn Bông sen xanh** cho cơ sở lưu trú du lịch (Bộ VHTTDL), và
 - **Nhãn hữu cơ Việt Nam** (theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP).
- Hoạt động truyền thông – giáo dục cộng đồng
- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ và doanh nghiệp



61

Bài tập nhóm

Đề bài: Đề xuất kế hoạch, giải pháp khuyến khích mua sắm xanh đối với các sản phẩm, dịch vụ du lịch tại địa phương

1. **Nhận diện các cơ hội mua sắm xanh tại địa phương:** Tại địa phương có sản phẩm, dịch vụ xanh đạt nhãn sinh thái, nhãn năng lượng hay nhãn du lịch xanh không? Nếu không, địa phương có các sản phẩm, dịch vụ chưa đạt nhãn nhưng được biết đến là xanh hơn so với các sản phẩm, dịch vụ thông thường không?
2. **Kế hoạch thúc đẩy mua sắm xanh:** Kế hoạch thúc đẩy mua sắm xanh nói chung tại địa phương và thúc đẩy mua sắm xanh đối với các sản phẩm, dịch vụ của địa phương nói riêng.

62



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!